

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 28/2004/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2004

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện việc giảm thuế nhập khẩu hàng hoá có xuất xứ từ Lào

Căn cứ Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào ký ngày 16 tháng 1 năm 2004, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc giảm thuế nhập khẩu hàng hoá có xuất xứ từ Lào như sau:

A. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Hàng hoá sản xuất tại nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào do các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam nhập khẩu vào Việt Nam được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi qui định tại Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi (trừ hàng hoá cấm nhập khẩu vào Việt Nam và hàng hoá nằm trong danh mục loại trừ hoàn toàn của Việt Nam thực hiện CEPT/AFTA), nếu thoả mãn các điều kiện sau:

- Có giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) do cơ quan có thẩm quyền của Lào cấp. Việc quy định cụ thể về giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) do Bộ Thương mại Lào và Việt Nam cùng trao đổi thống nhất áp dụng cho hàng hoá nhập khẩu từ mỗi nước.
- Hàng hoá được nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hoá vào Việt Nam qua các cửa khẩu được mở chính thức trên biên giới Việt Nam - Lào.

Trường hợp hàng hoá nhập khẩu có đủ điều kiện để được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi, đồng thời có đủ điều kiện được hưởng theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt CEPT thì được áp dụng theo mức thuế suất thấp hơn trong hai mức thuế suất này.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

I. Giá tính thuế nhập khẩu để áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào nhập khẩu vào Việt Nam là giá mua hàng hoá nhập khẩu dựa trên cơ sở hợp đồng mua bán hàng hoá (viết tắt là giá mua hàng hoá nhập khẩu) theo hướng dẫn dưới đây:

1. Xác định giá mua hàng hoá nhập khẩu:

1.1 Cơ sở xác định:

Giá mua hàng hoá nhập khẩu được xác định dựa trên cơ sở hợp đồng mua bán hàng hoá phù hợp với các chứng từ hợp pháp, hợp lệ có liên quan đến việc mua bán hàng hoá. Giá mua hàng hoá nhập khẩu bao gồm cả phí bảo hiểm (I) và chi phí vận tải (F).

1.2 Giá mua hàng hoá nhập khẩu được xác định theo giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hoá phải cộng và được trừ các khoản điều chỉnh theo hướng dẫn sau đây:

1.2.1 Các khoản phải cộng vào giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hoá để xác định giá mua hàng hoá nhập khẩu:

1.2.1.1 Trường hợp trong giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hoá chưa bao gồm chi phí vận tải (F) và phí bảo hiểm (I) thì phải cộng chi phí vận tải và phí bảo hiểm vào giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hoá để xác định giá mua hàng hoá nhập khẩu. Nếu không có các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để xác định chi phí vận tải và phí bảo hiểm thì chi phí vận tải được tính bằng 15% giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hoá và phí bảo hiểm được tính bằng 0,3% của (giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hoá + chi phí vận tải) để xác định giá mua hàng hoá nhập khẩu.

Trường hợp đối tượng nhập khẩu tự vận chuyển hàng hoá thì đối tượng nhập khẩu phải có bảng kê khai chi tiết về chi phí vận tải. Nếu chi phí vận tải liên quan đến nhiều loại hàng hoá khác nhau thì đối tượng nhập khẩu phải phân bổ chi phí vận tải trên cơ sở đơn giá vận tải từng loại hàng hoá hoặc theo thể tích, trọng lượng của từng loại hàng hoá hoặc theo trị giá của từng loại hàng hoá trong lô hàng hoá nhập khẩu.

1.2.1.2 Trường hợp hàng hoá nhập khẩu có bao gồm hàng hoá bảo hành theo hợp đồng mua bán hàng hoá (kể cả trường hợp hàng hoá gửi sau) nhưng giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hoá không tính thanh toán riêng đối với số hàng hoá bảo hành thì giá mua hàng hoá nhập khẩu là giá bao gồm cả trị giá hàng hoá bảo hành.

1.2.2 Các khoản được trừ ra khỏi giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hoá để xác định giá mua hàng hoá nhập khẩu:

1.2.2.1 Trường hợp hàng hoá nhập khẩu được thanh toán theo phương thức trả tiền chậm thì khoản lãi suất trả chậm được trừ ra khỏi giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hoá để xác định giá mua hàng hoá nhập khẩu, nếu có đủ các điều kiện sau:

1.2.2.1.1 Khoản lãi suất trả chậm này được thể hiện tại hợp đồng mua bán hàng hoá;

1.2.2.1.2 Khoản lãi suất trả chậm chỉ liên quan đến chính lô hàng hoá nhập khẩu đang xác định giá, không liên quan tới các lô hàng hoá khác.

1.2.2.2 Trường hợp hàng hoá nhập khẩu được bán giảm giá thì khoản giảm giá được trừ ra khỏi giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hoá để xác định giá mua hàng hoá nhập khẩu, nếu có đủ các điều kiện sau:

1.2.2.2.1 Việc thoả thuận giảm giá phải được thực hiện trước khi xếp hàng hoá lên phương tiện vận chuyển ở Lào, được lập thành văn bản và nộp cùng với tờ khai hàng hoá nhập khẩu.

1.2.2.2.2 Việc giảm giá được thực hiện cho chính lô hàng hoá nhập khẩu đang xác định giá, không liên quan tới các lô hàng hoá khác.

1.2.2.3 Trường hợp hàng hoá nhập khẩu được các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam cung cấp dịch vụ bảo hiểm và vận tải hàng hoá thì khoản thuế giá trị gia tăng đối với các khoản phí bảo hiểm (I) và chi phí vận tải (F) được trừ ra khỏi giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hoá để xác định giá mua hàng hoá nhập khẩu.

2. Giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu là giá mua hàng hoá nhập khẩu, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

2.1 *Điều kiện (1)*: Hàng hoá nhập khẩu phải theo hợp đồng mua bán hàng hoá.